

Số: 14/2020/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng  
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý  
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Thực hiện Công văn số 84/HĐND-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định và phân cấp thẩm quyền ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập; ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

### Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

STT	Nội dung hoạt động	Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động (m <sup>2</sup> )		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã, phường, thị trấn
1	Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và phục vụ hành chính công.	900		
2	Trụ sở Ban tiếp công dân.	150		
3	Tiếp dân.	50	50	20
4	Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính.		250	65
5	Quản trị hệ thống công nghệ thông tin.	60	40	40
6	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên), không kể sân khấu, có trang bị bàn viết: diện tích sử dụng được xác định theo quy mô, nhu cầu sử dụng thực tế, diện tích được xác định từ 1,80m <sup>2</sup> /chỗ đến 2,0m <sup>2</sup> /chỗ.			
7	Kho chuyên ngành: căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định diện tích kho chuyên ngành, nhưng phải đảm bảo phù hợp theo yêu cầu đặc thù, quy định của ngành và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành, <b>trình tự thực hiện như Khoản 8, Điều này.</b>			
8	Đối với diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức và đơn vị (nếu có), căn cứ nhu cầu thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, thủ trưởng đơn vị trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án sau khi có văn bản đề nghị và được chấp thuận của Sở Xây dựng (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh) hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã), căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các điều kiện thực tế, Sở Xây dựng (đơn vị cấp tỉnh) hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị (đơn vị cấp huyện, cấp xã) có ý kiến về diện tích xây dựng.			

9. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp **thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo và công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc phạm vi quản lý.**

a) Giám đốc các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo trên cơ sở quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp về y tế, giáo dục và đào tạo để áp dụng thực hiện cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

b) Đối với diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo):

Căn cứ quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương, quy định của địa phương và căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.

#### **Điều 4. Xử lý chuyển tiếp**

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực, thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo định mức quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, lập kế hoạch (khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc) thực hiện quản lý kế hoạch đầu tư, sử dụng diện tích chuyên dụng theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thực hiện kiểm tra, thẩm định về diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Tỉnh theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành (là cơ sở triển khai hồ sơ thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp).

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành Tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, Thị xã, Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2020./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- HĐND, UBND cấp xã;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp ;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh; Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/ĐT XD (BTP).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hùng**

